

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Đường giao thông từ bản Bá, xã Phú Xuân đi bản Vui, xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa (Chương trình 30a)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1865/QĐ-UBND ngày 25/5/2020, số 2510/QĐ-UBND ngày 01/7/2020 về việc đính chính nội dung Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 25/5/2020 về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; số 3047/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu; số 3271/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 về việc phê duyệt chi phí khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, lập hồ sơ, cấm cọc GPMB và giá gói thầu thuộc công trình Đường giao thông từ bản Bá, xã Phú Xuân đi bản Vui, xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa (Chương trình 30a);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 4454/TTr-SGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2020, kèm theo hồ sơ, Báo cáo kết quả thẩm định số 4406/SGTVT-TĐKHKT ngày 16 tháng 10 năm 2020 và Tờ trình số 107/TTr-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2020 của UBND huyện Quan Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Đường giao thông từ bản Bá, xã Phú Xuân đi bản Vui, xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa (Chương trình 30a), với nội dung chủ yếu sau:

1. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật:

Đầu tư xây dựng tuyến đường dài 8,660km đạt quy mô đường giao thông nông thôn cấp B (theo TCVN10380: 2014), có: Chiều rộng nền đường $B_n=5,0\text{m}$; mặt đường $B_m=3,5\text{m}$; vận tốc thiết kế $V_{tk}=20\text{km/h}$; bán kính đường cong nằm nhỏ nhất $R_{\min}=15\text{m}$; độ dốc dọc lớn nhất $i_{\max}=13\%$; mặt đường gia cố chống trơn, các đoạn có độ dốc lớn và đường hai đầu cầu sử dụng mặt đường bê tông xi măng. Công trình thoát nước bằng bê tông và bê tông cốt thép, tần suất thiết kế $P=4\%$, tải trọng thiết kế H13-X60 (đối với cống), HL93 và tải trọng người đi bộ $3 \times 10^{-3}\text{Mpa}$ (đối với cầu).

2. Giải pháp thiết kế:

2.1. Bình đồ tuyến:

Vị trí, hướng tuyến tuân thủ hồ sơ thiết kế cơ sở đã phê duyệt; điều chỉnh cục bộ một số vị trí để cải thiện bán kính cong.

Điểm đầu Km0- giao với đường bê tông đi bản Mí thuộc địa phận bản Bá, xã Phú Xuân; điểm cuối Km8+660,19- tại trung tâm bản Vui xã Thanh Xuân. Tổng số có 165 đường cong; bán kính cong nhỏ nhất $R_{\min}=15\text{m}$.

2.2. Cắt dọc tuyến: theo cao độ đường đo hồ sơ thiết kế cơ sở đã phê duyệt; đào hạ cục bộ cho đủ chiều rộng nền đường và cải thiện độ dốc dọc. Độ dốc dọc lớn nhất $i_{\max}=13\%$.

2.3. Cắt ngang tuyến: Chiều rộng nền đường $B_n=5,0\text{m}$; mặt đường $B_m=3,5\text{m}$; dốc ngang hai mái $i_m=2\%$ (với mặt đường BTXM), $i_m=4\%$ (với mặt đường chống trơn bằng đá thải); lề đất $B_l=2 \times 0,75\text{m}=1,5\text{m}$, dốc ngang $i_l=4\%$; bố trí siêu cao, mở rộng trong đường cong theo tiêu chuẩn cấp đường.

2.4. Nền đường:

- Nền đắp: bằng đất đồi đạt độ chặt $K \geq 0,95$, trước khi đắp đào bỏ hoàn toàn đất không thích hợp; mái ta luy đắp 1/1,5, gia cố mái bằng trồng cỏ; đoạn Km7+749-Km7+776 (trái tuyến, dài 27m) đi sát suối Lâm gia cố bằng tường chắn BTXM M150.

- Nền đào: Độ dốc mái taluy đào từ 1/1-1/0,5 tùy theo địa chất mái đào.

2.5. Kết cấu áo đường:

- Mặt đường BTXM: Áp dụng cho các đoạn đường hai đầu cầu (gồm: cầu Suối Bá Km0+737,95 và cầu suối Rán Km8+154,35). Cầu tạo mặt đường bằng BTXM M300 dày 22cm trên lớp nilong chống mất nước, nền đất đạt độ chặt $K \geq 0,95$. Bố trí khe ngang bằng cắt bê tông mặt đường sau khi thi công.

- Mặt đường chống trơn: Áp dụng cho phần tuyến còn lại. Lớp chống trơn bằng đá thải dày 10cm trên nền đất đạt độ chặt $K \geq 0,95$.

2.6. Nút giao, đường ngang

- Nút giao: Có 01 nút giao tại đầu tuyến, dạng ngã ba được thiết kế mở rộng các nhánh rẽ với bán kính $R \geq 10\text{m}$.

- Đường giao dân sinh: Được vượt nổi và mở rộng tạo êm thuận và tăng cường an toàn giao thông; độ dốc dọc $i \leq 6\%$; chiều rộng mặt đường $\geq 4\text{m}$; mặt đường bằng đá thải.

2.7. Công trình thoát nước:

a) Thoát nước mặt: bằng chảy toả và rãnh dọc.

Rãnh đất tiết diện hình thang, kích thước lòng $(40+120) \times 40\text{cm}$; những đoạn dễ xói lở, cuối chân dốc kích thước $(40+90) \times 50\text{cm}$ và được gia cố bằng đá hộc xây VXM M100.

b) Công thoát nước ngang:

Toàn tuyến có 45 công thoát nước ngang, trong đó: Xây dựng mới 42 cái (gồm: 25 công bản 1,0m, 11 công bản 1,5m, 2 công bản 2,4m, 4 công bản 3,4m) và giữ nguyên 3 cái.

- Kết cấu công bản 1,0-1,5m: Móng, thân, tường đầu, tường cánh, gia cố thượng hạ lưu bằng BTXM M200; mũ mô BTCT M200; bản công BTCT M300; mặt công BTXM M300; móng đặt trên nền thiên nhiên.

- Kết cấu công bản 2,4-3,4m: Móng, thân, thanh chống, tường cánh, gia cố thượng hạ lưu bằng BTXM M200; mũ mô bằng BTCT M200; bản chuyển tiếp bằng BTCT M250; tấm bản, mặt công bằng BTCT M300; móng đặt trên nền thiên nhiên.

c) Các vị trí chảy tràn: Gia cố lòng rãnh, phân mặt đường, lề đường trong phạm vi chảy tràn bằng BTXM M200.

d) Công trình cầu:

Gồm 02 cầu nhỏ có: bề rộng cầu $B_c = 6,0\text{m}$, chiều rộng mặt cầu $B = 5,0\text{m}$, lan can $2 \times 0,5\text{m}$. Tải trọng thiết kế HL93, người đi bộ $3 \times 10^{-3}\text{Mpa}$. Tàn suất tính toán thủy văn $P = 4\%$, có xét đến ảnh hưởng của mực nước thủy điện Hồi Xuân.

* Cầu suối Bá- Km0+737,95:

- Kết cấu phần trên: Gồm 01 nhịp $L_n = 21\text{m}$; chiều dài toàn cầu tính đến đuôi mố $L = 31,1\text{m}$; mặt cắt ngang nhịp gồm 6 phiến dầm dạng bản rộng bằng BTCT DUL 40Mpa, chiều rộng $b = 1,0\text{m}$, chiều cao $h = 80\text{cm}$, đặt cách nhau $a = 1,0\text{m}$; cấp cường độ cao sử dụng loại tạo xoắn 7 sợi, đường kính 12,7mm; gói cầu loại cao su cốt bản thép; liên kết dầm bản bằng BTCT 30Mpa dày 15cm; lớp phòng nước dạng phun; lớp phủ mặt cầu bằng BTCT 30Mpa; tạo dốc ngang mặt cầu bằng thay đổi chiều dày lớp phủ; khe co giãn bằng thép dạng ray; lan can bằng thép mạ kẽm, gờ chân lan can bằng BTCT 25Mpa; thoát nước mặt cầu bằng ống gang kết hợp ống nhựa PVC.

- Kết cấu phần dưới: hai mô có cấu tạo giống nhau, mô nặng dạng chữ U bằng BTCT 30Mpa, bệ mố đặt trên địa chất là lớp sét pha lẫn dăm sạn xen kẹp các vỉa đá phong hóa, trạng thái cứng; bản chuyển tiếp BTCT 25Mpa; gia cố tứ nón bằng BTXM M200.

- Đường hai đầu cầu: vuốt nối đường đầu cầu từ $B_m=5,0m$ về $B_m=3,5m$; kết cấu bằng BTXM M300 dày 22cm.

* Cầu suối Rán- Km8+154,35:

- Kết cấu phần trên: Gồm 01 nhịp $L_n=12m$; chiều dài toàn cầu tính đến đuôi mố $L=20,1m$; mặt cắt ngang gồm 6 phiên dầm dạng bản rộng bằng BTCT DUL 40Mpa, chiều rộng $b=1,0m$, chiều cao $h=52cm$, đặt cách nhau $a=1,0m$; cấp cường độ cao sử dụng loại tào xoắn 7 sợi, đường kính 12,7mm; gối cầu loại cao su cốt bản thép; liên kết dầm bản bằng BTCT 30Mpa dày 15cm; lớp phòng nước dạng phun; lớp phủ mặt cầu bằng BTCT 30Mpa; tạo dốc ngang mặt cầu bằng thay đổi chiều dày lớp phủ; khe co giãn bằng thép dạng ray; lan can bằng thép mạ kẽm, gờ chân lan can bằng BTCT 25Mpa; thoát nước mặt cầu bằng ống gang kết hợp ống nhựa PVC.

- Kết cấu phần dưới: hai mố có cấu tạo giống nhau, mố nặng dạng chữ U bằng BTCT 30Mpa, bệ mố liên kết với nền đá bằng các thanh neo $\Phi 25$; bản chuyển tiếp BTCT 25Mpa; gia cố tứ nón bằng BTXM M200.

- Đường hai đầu cầu: vuốt nối đường đầu cầu từ $B_m=5,0m$ về $B_m=3,5m$; kết cấu bằng BTXM M300 dày 22cm.

* Biện pháp thi công chủ đạo:

- Đất đào không thích hợp đổ tại các vị trí theo thỏa thuận của địa phương.
- Mặt bằng công trường thi công, bãi đúc dầm bố trí cạnh cầu và nền đường hai đầu cầu; làm đường tạm, đặt cống tạm để thoát nước thường xuyên.
- Lắp đặt dầm cầu vào vị trí bằng đầu cầu.
- Thi công mố bằng đào trần kết hợp đà giáo bằng thép hình.

2.8. Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí biển báo tuân thủ theo QCVN 41:2019/BGTVT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

3. Dự toán duyệt: **40.257.225.000 đồng** (Bốn mươi tỷ, hai trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	33.057.578.000 đồng
- Chi phí Quản lý dự án:	725.764.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	3.497.410.000 đồng
- Chi phí khác:	1.052.161.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	1.924.312.000 đồng

(chi tiết có phụ biểu kèm theo)

Điều 2. Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm

thực hiện đầy đủ các nội dung đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại báo cáo kết quả thẩm định số 4406/SGTVT-TĐKHKT ngày 16/10/2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh ;
- Lưu: VT, VX.^{30a147}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đăng Quyền

PHỤ BIỂU DỰ TOÁN
Công trình Đường giao thông từ bản Bá, xã Phú Xuân đi bản Vui,
xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa (Chương trình 30a)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)
Đơn vị: đồng

TT	Hạng mục chi phí	Phương pháp xác định	Giá trị
I	Chi phí xây dựng		33.057.578.000
II	Chi phí Quản lý dự án	2,415% x 30.052.343.636	725.764.000
III	Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng		3.497.410.000
1	Khảo sát bước lập BCNCKT	Quyết định số 560/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa	917.616.714
2	Lập báo cáo NCKT		176.450.174
3	Lập nhiệm vụ khảo sát bước NCKT	Quyết định số 233/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh	26.339.000
4	Giám sát khảo sát bước NCKT		32.501.000
5	Khảo sát, lập TK BVTC-DT, lập hồ sơ cắm cọc GPMB và MLG	Quyết định số 1625/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa	1.215.720.000
6	Giám sát khảo sát bước TK BVTC	4,072% x1,1x 581.594.545	26.051.000
7	Lập nhiệm vụ khảo sát bước TK BVTC	3,000% x1,1x 581.594.545	19.193.000
8	Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu Tư vấn khảo sát, lập BCNCKT	Quyết định số 195/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa	8.877.000
9	Lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu (Tư vấn khảo sát, lập TKBVTC, xây lắp)	Quyết định số 1457/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa	86.278.000
10	Thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu Tư vấn khảo sát, lập BCNCKT	Mức tối thiểu	2.000.000
11	Thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu (TVKS, lập TKBVTC, xây lắp)	0,100% x 31.934.316.364	31.934.000
12	Chi phí giám sát thi công xây dựng	2,585% x1,1x 30.052.343.636	854.450.000
13	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	Quyết định số 1865/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh	100.000.000
IV	Chi phí khác		1.052.161.000
1	Rà phá bom mìn	Quyết định số 1865/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh	272.000.000
2	Thẩm định BCNCKT		6.930.000
3	Bảo hiểm công trình	0,29% x1,1x 30.052.343.636	95.867.000
4	Thẩm định thiết kế BVTC	0,0931% x0,5x 30.052.343.636	13.987.000
5	Thẩm định dự toán	0,0897% x0,5x 30.052.343.636	13.472.000
6	Đường công vụ phục vụ thi công	Dự toán chi tiết	494.583.000
7	Chi phí di chuyển máy, thiết bị thi công đặc chủng đến và ra khỏi công trường		13.589.081
8	Chi phí kiểm tra của CQQLNN	Tạm tính	20.000.000
9	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,298% x 40.829.000.000	121.733.000
V	Chi phí dự phòng		1.924.312.000
1	Dự phòng khối lượng phát sinh	2,50% x I+II+III+IV	958.323.000
2	Dự phòng trượt giá	2,52% x I+II+III+IV	965.989.000
	TỔNG CỘNG	I+II+III+IV+V	40.257.225.000